

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Ủy ban nhân dân xã Việt Khê thông báo, niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã cụ thể như sau:

1. Nội dung niêm yết:

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

2. Hình thức niêm yết:

- Niêm yết công khai Danh sách tổng hợp các danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Niêm yết công khai cụ thể từng danh mục thủ tục hành chính theo các Quyết định công bố thuộc các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.

3. Địa điểm niêm yết:

- Niêm yết công khai trên bảng niêm yết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã Việt Khê

- Niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của UBND xã Việt Khê tại địa chỉ: <https://vietkhe.haiphong.gov.vn>

- Niêm yết công khai trên trang Cổng thông tin xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng.

4. Thời gian niêm yết:

Bắt đầu từ ngày ban hành thông báo này và được cập nhật thường xuyên theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân xã Việt Khê thông báo để các tổ chức, cá nhân biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND, UBMTTQ xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Kim

**DANH SÁCH DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Việt Khê)

STT LĨNH VỰC	STT TTHC	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ
A	PHÒNG KINH TẾ GỒM: 163 TTHC THUỘC 37 LĨNH VỰC			
I	LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 TTHC)			
	1	2.001384.H24	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Một phần
	2	2.000206.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Một phần
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (03 TTHC)			
	3	2.001261.000.0 0.00.H24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Một phần
	4	2.001270.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Một phần
	5	2.001283.000.0 0.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Một phần
III	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (09 TTHC)			
	1	2.001240.000.0 0.00.H24	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Một phần
	2	2.000615.000.0 0.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Một phần
	3	2.000620.000.0 0.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Một phần
	4	2.000629.000.0 0.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Một phần
	5	1.001279.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Một phần
	6	2.000633.000.0 0.00.H24	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Một phần
	7	2.000150.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Một phần
	8	2.000162.000.0 0.00.H24	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Một phần
	9	2.000181.000.0 0.00.H24	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Một phần
IV	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ (02 TTHC)			
	12	1.012568.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Một phần
	13	1.012569.H24	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Một phần
V	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (01 TTHC)			

	1	1.004082.000.0 0.00.H24	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Một phần
VI	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO (05 TTHC)			
	1	3.000412.H24	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Toàn trình
	2	1.011609.H24	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Toàn trình
	3	1.011608.H24	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Toàn trình
	4	1.011607.H24	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Toàn trình
	5	1.011606.H24	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Toàn trình
VII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)			
	1	1.010736.000.0 0.00.H24	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Một phần
VIII	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (01 TTHC)			
	1	1.008004.000.0 0.00.H24	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Toàn trình
IX	LĨNH VỰC KIỂM LÂM (02 TTHC)			
	1	1.012695.000.0 0.00.H24	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Một phần
	2	1.012694.000.0 0.00.H24	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Một phần
X	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)			
	1	1.003596.000.0 0.00.H24	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Toàn trình
XI	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (25 TTHC)			
	1	1.002372.000.0 0.00.H24	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	
	2	1.009465.000.0 0.00.H24	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Toàn trình
	3	2.001211.000.0 0.00.H24	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Toàn trình
	4	2.001212.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Toàn trình
	5	2.001215.000.0 0.00.H24	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Toàn trình
	6	2.001218.000.0 0.00.H24	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Toàn trình
	7	2.001214.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Toàn trình

	8	2.001217.000.0 0.00.H24	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Toàn trình
	9	1.009455.000.0 0.00.H24	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Toàn trình
	10	1.009454.000.0 0.00.H24	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Toàn trình
	11	1.009447.000.0 0.00.H24	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Toàn trình
	12	1.009444.000.0 0.00.H24	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Toàn trình
	13	1.009453.000.0 0.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Toàn trình
	14	1.009452.000.0 0.00.H24	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Toàn trình
	15	1.006391.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Một phần
	16	1.005040.000.0 0.00.H24	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Một phần
	17	2.001659.000.0 0.00.H24	Xóa đăng ký phương tiện	Một phần
	18	1.003930.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Một phần
	19	1.003970.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Một phần
	20	1.004002.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Một phần
	21	2.001711.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Một phần
	22	1.004036.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Một phần
	23	1.004047.000.0 0.00.H24	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Một phần
	24	1.004088.000.0 0.00.H24	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Một phần
	25	1.003658.000.0 0.00.H24	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Toàn trình
XII	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (04 TTHC)			
	1	1.013274.H24	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Toàn trình

	2	2.001921.000.0 0.00.H24	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Toàn trình
	3	1.000314.000.0 0.00.H24	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Toàn trình
	4	1.013061.H24	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Toàn trình
XIII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (06 TTHC)			
	1	1.013228.H24	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Một phần
	2	1.013227.H24	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Một phần
	3	1.013226.H24	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Một phần
	4	1.013232.H24	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Một phần
	5	1.013229.H24	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Một phần
	6	1.013225.H24	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Một phần
XIV	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (02 TTHC)			

	1	1.012837.000.0 0.00.H24	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Một phần
	2	1.012836.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Một phần
XV	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 TTHC)			
	1	1.003434.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Một phần
XVI	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (01 TTHC)			
	1	1.001662.000.0 0.00.H24	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Một phần
XVII	LĨNH VỰC BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP (01 TTHC)			
	1	1.005412.H24	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Một phần
XVIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (04 TTHC)			
	1	3.000410.H24	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Một phần
	2	3.000326.H24	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Một phần
	3	3.000327.H24	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Một phần
	4	3.000325.H24	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Một phần
XIX	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI (03 TTHC)			
	1	1.012994.H24	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Một phần
	2	1.012996.H24	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Một phần
	3	1.012995.H24	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Một phần
XX	LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ (02 TTHC)			
	1	1.008603.H24	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Một phần
	2	1.013040.H24	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Một phần
XXI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (02 TTHC)			
	1	2.002226.000.0 0.00.H24	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Một phần
	2	2.002228.000.0 0.00.H24	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Một phần

XXII	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (26 TTHC)			
	1	2.002650.000.0 0.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	2	2.002649.000.0 0.00.H24	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	3	2.002648.000.0 0.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	4	2.002645.000.0 0.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	5	2.002644.000.0 0.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình
	6	2.002643.000.0 0.00.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	7	2.002642.000.0 0.00.H24	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Toàn trình
	8	2.002641.000.0 0.00.H24	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Toàn trình
	9	2.002640.000.0 0.00.H24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình
	10	2.002639.000.0 0.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Toàn trình
	11	2.002638.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Toàn trình
	12	2.002637.000.0 0.00.H24	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Toàn trình
	13	2.002635.000.0 0.00.H24	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Toàn trình
	14	2.002636.000.0 0.00.H24	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Toàn trình
	15	2.002646.000.0 0.00.H24	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Toàn trình
	16	1.004901.000.0 0.00.H24	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	17	1.005010.000.0 0.00.H24	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	18	1.005377.000.0 0.00.H24	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Toàn trình
	19	2.001958.000.0 0.00.H24	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình

	20	1.004979.000.0 0.00.H24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Toàn trình
	21	1.004982.000.0 0.00.H24	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	22	2.001973.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	23	1.005378.000.0 0.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Toàn trình
	24	1.005277.000.0 0.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Toàn trình
	25	2.002123.000.0 0.00.H24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Toàn trình
	26	1.005280.000.0 0.00.H24	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Toàn trình
XXIII	LĨNH VỰC THÚ Y (01 TTHC)			
	1	1.013997.H24	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Một phần
XXIV	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (06 TTHC)			
	1	1.012922.H24	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Toàn trình
	2	1.012531.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Toàn trình
	3	1.011471.000.0 0.00.H24	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Toàn trình
	4	3.000502.H24	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Một phần
	5	3.000250.000.0 0.00.H24	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Một phần
	6	1.007919.000.0 0.00.H24	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Một phần
XXV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (02 TTHC)			

	1	1.010091.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Toàn trình
	2	1.010092.000.0 0.00.H24	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Toàn trình
XXVI	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (05 TTHC)			
	1	3.000441.H24	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Một phần
	2	3.000442.H24	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Một phần
	3	3.000439.H24	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Một phần
	4	3.000440.H24	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Một phần
	5	3.000443.H24	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Một phần
XXVI I	LĨNH VỰC THỦY SẢN (03 TTHC)			
	1	1.004498.000.0 0.00.H24	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Một phần
	2	1.003956.000.0 0.00.H24	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Một phần
	3	1.004478.000.0 0.00.H24	Công bố mở cảng cá loại III	Một phần
XXVI II	LĨNH VỰC THỦY LỢI (07 TTHC)			
	1	1.013768.H24	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Một phần
	2	1.003440.000.0 0.00.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Một phần
	3	1.003446.000.0 0.00.H24	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Một phần
	4	1.003347.000.0 0.00.H24	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Một phần
	5	1.003471.000.0 0.00.H24	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Một phần
	6	2.001627.000.0 0.00.H24	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	Một phần
	7	2.001621.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Một phần

XXIX	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ (01 TTHC)			
	1	1.012888.H24	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Toàn trình
XXX	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01 TTHC)			
	1	2.002096.000.0 0.00.H24	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Một phần
XXXI	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG (01 TTHC)			
	1	2.002620.000.0 0.00.H24	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Toàn trình
XXXI I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH - 07 TTHC)			
	1	1.014035.H24	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
	2	1.014034.H24	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
	3	2.000575.000.0 0.00.H24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
	4	1.001266.000.0 0.00.H24	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Toàn trình
	5	1.001570.000.0 0.00.H24	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Toàn trình
	6	2.000720.000.0 0.00.H24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Toàn trình
	7	1.001612.000.0 0.00.H24	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Toàn trình
XXXI II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (16 TTHC)			
	1	1.012818.H24	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Một phần
	2	1.013967.H24	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Một phần
	3	1.013979.H24	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Một phần
	4	1.012817.H24	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Một phần
	5	1.012812.000.0 0.00.H24	Hòa giải tranh chấp đất đai	Một phần
	6	1.012796.000.0 0.00.H24	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Một phần
	7	1.014284.H24	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Một phần

	8	1.014275.H24	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Một phần
XXXI V	9	1.013950.H24	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Một phần
	10	1.013953.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Một phần
	11	1.013952.H24	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Một phần
	12	1.013949.H24	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Một phần
	13	1.013962.H24	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Một phần
	14	1.013978.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Một phần
	15	1.013965.H24	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Một phần
	16	1.012753.000.0 0.00.H24	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Một phần
XXXI V	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (02 TTHC)			

	11	1.014259.H24	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	Một phần
	12	1.014258.H24	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	Một phần
XXX V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC (05 TTHC)			
	1	1.014159.H24	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Một phần
	2	1.014155.H24	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Một phần
	3	1.014158.H24	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Một phần
	4	1.014156.H24	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Một phần
	5	1.014157.H24	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Một phần
XXX VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (01 TTHC)			
	1	2.002668.H24	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Một phần
XXX VII	LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU (01 TTHC)			
	1	1.013128.H24	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	Một phần
B	PHÒNG VĂN PHÒNG GỒM: 71 TTHC THUỘC 10 LĨNH VỰC			
I	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (05 TTHC)			
	1	2.000424.H24	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Toàn trình
	2	2.000950.H24	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Toàn trình
	3	1.002211.H24	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Toàn trình
	4	2.000930.000.0 0.00.H24	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Toàn trình
	5	2.002080.000.0 0.00.H24	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Một phần
II	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)			
	1	2.002165.000.0 0.00.H24	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Một phần
III	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13 TTHC)			
	1	2.001009.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tiếp

	2	2.001406.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tiếp
	3	2.001016.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Trực tiếp
	4	2.001019.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực di chúc	Trực tiếp
	5	2.001035.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tiếp
	6	2.000927.000.0 0.00.H24	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp
	7	2.001008.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Trực tiếp
	8	2.000992.000.0 0.00.H24	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trực tiếp
	9	2.000942.000.0 0.00.H24	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Một phần
	10	2.000913.000.0 0.00.H24	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trực tiếp
	11	2.000884.000.0 0.00.H24	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trực tiếp
	12	2.000815.000.0 0.00.H24	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Một phần
	13	2.000908.000.0 0.00.H24	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Một phần
IV	LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN (01 TTHC)			
	1	1.010945.000.0 0.00.H24	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Một phần
V	LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN THU' (01 TTHC)			
	1	2.002501.000.0 0.00.H24	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Một phần
VI	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (01 TTHC)			
	1	2.002409.000.0 0.00.H24	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Một phần
VII	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (01 TTHC)			
	2	2.002396.000.0 0.00.H24	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Trực tiếp
VIII	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (39 TTHC)			
	1	3.000323.H24	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Toàn trình
	2	3.000322.H24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Toàn trình

3	2.002516.000.0 0.00.H24	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Toàn trình
4	1.000080.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình
5	1.004827.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình
6	1.000094.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Một phần
7	1.000110.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Toàn trình
8	1.005461.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại khai tử	Toàn trình
9	1.004746.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Một phần
10	1.004772.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Toàn trình
11	1.004884.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Toàn trình
12	1.004873.000.0 0.00.H24	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Toàn trình
13	1.004859.000.0 0.00.H24	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Toàn trình
14	1.004845.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Toàn trình
15	1.004837.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký giám hộ	Toàn trình
16	1.003583.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Một phần
17	1.000593.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Một phần
18	1.000419.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Một phần
19	1.000656.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử	Toàn trình
20	1.000689.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Một phần
21	1.001022.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Một phần
22	1.000894.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn	Một phần
23	1.001193.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh	Toàn trình
24	2.000497.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
25	2.000513.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần
26	1.000893.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Toàn trình
27	2.000522.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Toàn trình

	28	2.000547.000.0 0.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Toàn trình
	29	2.000554.000.0 0.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
	30	2.002189.000.0 0.00.H24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
	31	2.000748.000.0 0.00.H24	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	32	2.000756.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	33	1.001669.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	34	1.001766.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	35	2.000779.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	36	1.001695.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Một phần
	37	2.000806.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Một phần
	38	2.000528.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Toàn trình
	39	2.000635.000.0 0.00.H24	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Toàn trình
IX	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (05 TTHC)			
	1	2.002363.H24	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Toàn trình
	2	2.002349.H24	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Toàn trình
	3	1.003005.H24	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Một phần
	4	2.001263.000.0 0.00.H24	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Một phần
	5	2.001255.000.0 0.00.H24	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Toàn trình
X	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (04 TTHC)			
	1	2.002401.000.0 0.00.H24	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Một phần
	2	2.002402.000.0 0.00.H24	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Một phần
	3	2.002403.000.0 0.00.H24	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Một phần

	4	2.002400.000.0 0.00.H24	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Một phần
B	PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI GỒM: 162 TTHC THUỘC 28 LĨNH VỰC			
I	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO (01 TTHC)			
	1	2.000794.000.0 0.00.H24	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Một phần
II	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (10 TTHC)			
	1	1.001653.000.0 0.00.H24	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Một phần
	2	1.001699.000.0 0.00.H24	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Một phần
	3	2.000477.000.0 0.00.H24	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Một phần
	4	2.000282.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Một phần
	5	2.000286.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Một phần
	6	2.000355.000.0 0.00.H24	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Một phần
	7	1.001731.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Một phần
	8	1.001776.000.0 0.00.H24	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Một phần
	9	1.014028.H24	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Một phần
	10	1.014027.H24	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Một phần
III	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (05 TTHC)			
	1	1.010940.H24	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Một phần
	2	1.010939.H24	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Một phần
	3	1.010938.H24	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Một phần
	4	2.001661.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Một phần
	5	1.010941.000.0 0.00.H24	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Một phần
IV	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (09 TTHC)			
	1	1.013796.H24	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Một phần
	2	1.013797.H24	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Một phần

	3	1.013798.H24	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	Một phần
	4	1.012585.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký thay đổi người địa diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Một phần
	5	1.012590.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Một phần
	6	1.012584.000.0 0.00.H24	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Một phần
	7	1.012582.000.0 0.00.H24	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	Một phần
	8	1.012592.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Một phần
	9	1.012591.000.0 0.00.H24	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Một phần
V	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (29 TTHC)			
	1	2.002308.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Một phần
	2	1.010814.000.0 0.00.H24	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Một phần
	3	1.010802.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Trực tiếp
	4	1.010801.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Trực tiếp
	5	1.010833.000.0 0.00.H24	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Một phần
	6	2.002307.H24	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Trực tiếp
	7	1.010815.000.0 0.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Một phần
	8	1.010816.000.0 0.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Một phần
	9	1.013750.H24	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Một phần
	10	1.013749.H24	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Một phần
	11	1.010830.000.0 0.00.H24	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Một phần
	12	1.010825.000.0 0.00.H24	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Một phần
	13	1.010824.000.0 0.00.H24	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	Một phần
	14	1.010820.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Một phần

	15	1.010819.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Một phần
	16	1.010817.000.0 0.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Toàn trình
	17	1.010805.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Một phần
	18	1.010803.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Một phần
	19	1.010821.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Một phần
	20	1.010818.000.0 0.00.H24	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Toàn trình
	21	1.010810.000.0 0.00.H24	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Một phần
	22	1.010804.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Toàn trình
	23	1.001257.000.0 0.00.H24	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Một phần
	24	2.001396.000.0 0.00.H24	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Một phần
	25	2.001157.000.0 0.00.H24	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Một phần
	26	1.010829.000.0 0.00.H24	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Toàn trình
	27	1.010811.000.0 0.00.H24	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Toàn trình
	28	1.010812.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Một phần
	29	1.004964.000.0 0.00.H24	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Một phần

VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (16 TTHC)			
	1	1.014337.H24	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Trực tiếp
	2	1.014336.H24	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Trực tiếp
	3	1.014335.H24	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Trực tiếp
	4	2.002771.H24	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Một phần
	5	2.002770.H24	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Một phần
	6	1.008724.000.0 0.00.H24	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Một phần
	7	1.008725.000.0 0.00.H24	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Một phần
	8	1.000691.000.0 0.00.H24	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Một phần
	9	1.000280.000.0 0.00.H24	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Một phần
	10	1.000288.000.0 0.00.H24	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Một phần
	11	1.001714.000.0 0.00.H24	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Toàn trình
	12	1.008951.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Toàn trình
	13	1.008950.000.0 0.00.H24	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Toàn trình
	14	1.003702.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Toàn trình
	15	1.001622.000.0 0.00.H24	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Toàn trình
	16	1.002407.000.0 0.00.H24	Xét, cấp học bổng chính sách	Toàn trình
VII	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (03 TTHC)			
	1	1.000713.000.0 0.00.H24	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Một phần

	2	1.000711.000.0 0.00.H24	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Một phần
	3	1.000715.000.0 0.00.H24	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Một phần
VIII	LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (04 TTHC)			
	1	1.013793.H24	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
	2	1.013794.H24	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
	3	1.013795.H24	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
	4	1.013792.H24	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình
IX	LĨNH VỰC VĂN HÓA (02 TTHC)			
	1	1.013791.H24	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Toàn trình
	2	1.003622.000.0 0.00.H24	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Toàn trình
X	LĨNH VỰC VIỆC LÀM (02 TTHC)			
	1	1.013724.H24	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Một phần
	2	1.013725.H24	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Một phần
XI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC (01 TTHC)			
	1	1.013734.H24	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Toàn trình
XII	LĨNH VỰC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (06 TTHC)			
	1	1.012975.H24	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Một phần
	2	1.012974.H24	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Một phần
	3	1.012973.H24	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Một phần
	4	1.012972.H24	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Một phần
	5	1.012971.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Một phần
	6	3.000309.H24	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Một phần
XIII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (05 TTHC)			
	1	1.012961.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo,	Một

			trường mầm non, nhà trẻ	phần
	2	1.012962.H24	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Một phần
XIV	3	1.006444.000.0 0.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Một phần
	4	1.006390.000.0 0.00.H24	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Một phần
	5	1.006445.000.0 0.00.H24	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Một phần
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (04 TTHC)			
	1	1.012970.H24	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Một phần
	2	1.012969.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Một phần
	3	3.000307.H24	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Một phần
	4	3.000308.H24	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Một phần
	XV LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (06 TTHC)			
	1	1.012963.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Một phần
XVI	2	2.001842.000.0 0.00.H24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Một phần
	3	1.004552.000.0 0.00.H24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Một phần
	4	1.001639.000.0 0.00.H24	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Một phần
	5	1.004563.000.0 0.00.H24	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Một phần
	6	1.005099.000.0 0.00.H24	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Toàn trình
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (12 TTHC)			
	1	1.012966.H24	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Một phần
	2	1.012964.H24	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Một phần
	3	1.012968.H24	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Một phần
	4	1.012967.H24	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Một phần
	5	1.012965.H24	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Một phần
	6	1.011978	Tuyển sinh trung học cơ sở	Một phần

	7	2.002482.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Toàn trình
	8	2.002483.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Toàn trình
	9	1.005108.000.0 0.00.H24	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Toàn trình
	10	2.001904.000.0 0.00.H24	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Toàn trình
	11	3.000182.000.0 0.00.H24	Tuyển sinh trung học cơ sở	Một phần
	12	2.002481.000.0 0.00.H24	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Toàn trình
XVII	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (02 TTHC)			
	1	3.000468.H24	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Một phần
	2	3.000467.H24	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Một phần
XVIII	LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC (02 TTHC)			
	1	1.012223.H24	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Toàn trình
	2	1.012222.H24	Công nhận người có uy tín	Toàn trình
XIX	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM (03 TTHC)			
	1	2.001088.H24	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Một phần
	2	1.014332.H24	Cấp lại Giấy chứng sinh	Trực tiếp
	3	1.014331.H24	Cấp Giấy chứng sinh	Trực tiếp
XX	LĨNH VỰC TRẺ EM (06 TTHC)			
	1	2.001942.000.0 0.00.H24	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Toàn trình
	2	2.001944.000.0 0.00.H24	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Toàn trình
	3	1.004941.000.0 0.00.H24	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Toàn trình
	4	2.001947.000.0 0.00.H24	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Toàn trình
	5	1.004944.000.0 0.00.H24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Toàn trình
	6	1.004946.000.0 0.00.H24	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Toàn trình

XXI	LĨNH VỰC THI TUYỂN SINH (01 TTHC)			
	1	1.005090.000.0 0.00.H24	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Toàn trình
XXII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (02 TTHC)			
	1	2.002284.000.0 0.00.H24	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Một phần
	2	2.001960.000.0 0.00.H24	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Một phần
XXIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ (15 TTHC)			
	1	1.013706.H24	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Một phần
	2	1.013703.H24	Thành lập hội	Một phần
	3	1.013717.H24	Quỹ tự giải thể	Một phần
	4	1.013710.H24	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Một phần
	5	1.013716.H24	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Một phần
	6	1.013708.H24	Hội tự giải thể	Một phần
	7	1.013712.H24	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Một phần
	8	1.013713.H24	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Một phần
	9	1.013702.H24	Công nhận ban vận động thành lập hội	Một phần
	10	1.013715.H24	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Một phần
	11	1.013709.H24	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Một phần
	12	1.013707.H24	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Một phần
	13	1.013714.H24	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Một phần
	14	1.013711.H24	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Một phần
	15	1.013704.H24	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Một phần
XXIV	LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (03 TTHC)			
	1	1.012422.H24	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	Một phần
	2	1.014149.H24	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Một phần

	3	1.014150.H24	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Một phần
XXV	LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (06 TTHC)			
	1	1.014113.H24	Xét tuyển công chức	Một phần
	2	1.014111.H24	Thi tuyển công chức	Một phần
	3	1.014116.H24	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Một phần
	4	1.012300.000.0 0.00.H24	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Một phần
	5	1.012301.000.0 0.00.H24	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Một phần
	6	1.012299.000.0 0.00.H24	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Một phần
XXVI	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA (02 TTHC)			
	1	1.014312.H24	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình
	2	1.014310.H24	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình
XXVII	LĨNH VỰC THU BHXH, BHYT, BHTN, BH TAI NẠN LAO ĐỘNG, BNN (03 TTHC)			
	1	1.001939.000.0 0.00.H24	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	Một phần
	2	1.002051.000.0 0.00.H24	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Một phần
	3	1.002179.000.0 0.00.H24	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Một phần
XXVIII	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (02 TTHC)			
	1	1.012084.000.0 0.00.H24	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Toàn trình
	2	1.012085.000.0 0.00.H24	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Toàn trình